



Phép chia có dư

Họ tên: _____

Ngày: _____

Thời gian: _____

Điểm: /31

Tìm số lớn nhất mà nhân với số chia vẫn không vượt quá số bị chia, phần còn lại là số dư. Đáp án ở trang 2.

Số dư bé hơn số chia

$17 : 5 = 3$ (dư 2) vì $5 \times 3 = 15$, $17 - 15 = 2$. Nếu số dư lớn hơn hoặc bằng số chia là chia chưa hết.

Thử lại

Thương $\times$ số chia + số dư = số bị chia: $3 \times 5 + 2 = 17$.

1 Tính

1 $20 : 6 = \square$ (dư $\square$)

2 $39 : 8 = \square$ (dư $\square$)

3 $11 : 7 = \square$ (dư $\square$)

4 $52 : 9 = \square$ (dư $\square$)

5 $8 : 3 = \square$ (dư $\square$)

6 $19 : 3 = \square$ (dư $\square$)

7 $76 : 9 = \square$ (dư $\square$)

8 $46 : 7 = \square$ (dư $\square$)

9 $50 : 6 = \square$ (dư $\square$)

10 $31 : 7 = \square$ (dư $\square$)

11 $35 : 6 = \square$ (dư $\square$)

12 $25 : 4 = \square$ (dư $\square$)

13 $26 : 9 = \square$ (dư $\square$)

14 $65 : 7 = \square$ (dư $\square$)

15 $17 : 7 = \square$ (dư $\square$)

16 $6 : 4 = \square$ (dư $\square$)

17 $63 : 8 = \square$ (dư $\square$)

18 $55 : 8 = \square$ (dư $\square$)

19 $30 : 4 = \square$ (dư $\square$)

20 $29 : 3 = \square$ (dư $\square$)

21 $23 : 4 = \square$ (dư $\square$)

22 $78 : 9 = \square$ (dư $\square$)

23 $75 : 8 = \square$ (dư $\square$)

24 $34 : 7 = \square$ (dư $\square$)

25 $5 : 4 = \square$ (dư $\square$)

26 $18 : 5 = \square$ (dư $\square$)

27 $37 : 5 = \square$ (dư $\square$)

28 $15 : 2 = \square$ (dư $\square$)

29 $24 : 9 = \square$ (dư $\square$)

30 $4 : 3 = \square$ (dư $\square$)

2 Giải bài toán

Bài 1. Có 31 cái bánh xếp vào các hộp, mỗi hộp 4 cái. Hỏi xếp được nhiều nhất bao nhiêu hộp và còn thừa mấy cái bánh?



Phép chia có dư

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

1 Tính

1 $20 : 6 = \boxed{3} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

2 $39 : 8 = \boxed{4} \text{ (dư } \boxed{7} \text{)}$

3 $11 : 7 = \boxed{1} \text{ (dư } \boxed{4} \text{)}$

4 $52 : 9 = \boxed{5} \text{ (dư } \boxed{7} \text{)}$

5 $8 : 3 = \boxed{2} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

6 $19 : 3 = \boxed{6} \text{ (dư } \boxed{1} \text{)}$

7 $76 : 9 = \boxed{8} \text{ (dư } \boxed{4} \text{)}$

8 $46 : 7 = \boxed{6} \text{ (dư } \boxed{4} \text{)}$

9 $50 : 6 = \boxed{8} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

10 $31 : 7 = \boxed{4} \text{ (dư } \boxed{3} \text{)}$

11 $35 : 6 = \boxed{5} \text{ (dư } \boxed{5} \text{)}$

12 $25 : 4 = \boxed{6} \text{ (dư } \boxed{1} \text{)}$

13 $26 : 9 = \boxed{2} \text{ (dư } \boxed{8} \text{)}$

14 $65 : 7 = \boxed{9} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

15 $17 : 7 = \boxed{2} \text{ (dư } \boxed{3} \text{)}$

16 $6 : 4 = \boxed{1} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

17 $63 : 8 = \boxed{7} \text{ (dư } \boxed{7} \text{)}$

18 $55 : 8 = \boxed{6} \text{ (dư } \boxed{7} \text{)}$

19 $30 : 4 = \boxed{7} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

20 $29 : 3 = \boxed{9} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

21 $23 : 4 = \boxed{5} \text{ (dư } \boxed{3} \text{)}$

22 $78 : 9 = \boxed{8} \text{ (dư } \boxed{6} \text{)}$

23 $75 : 8 = \boxed{9} \text{ (dư } \boxed{3} \text{)}$

24 $34 : 7 = \boxed{4} \text{ (dư } \boxed{6} \text{)}$

25 $5 : 4 = \boxed{1} \text{ (dư } \boxed{1} \text{)}$

26 $18 : 5 = \boxed{3} \text{ (dư } \boxed{3} \text{)}$

27 $37 : 5 = \boxed{7} \text{ (dư } \boxed{2} \text{)}$

28 $15 : 2 = \boxed{7} \text{ (dư } \boxed{1} \text{)}$

29 $24 : 9 = \boxed{2} \text{ (dư } \boxed{6} \text{)}$

30 $4 : 3 = \boxed{1} \text{ (dư } \boxed{1} \text{)}$

2 Giải bài toán

Bài 1. Có 31 cái bánh xếp vào các hộp, mỗi hộp 4 cái. Hỏi xếp được nhiều nhất bao nhiêu hộp và còn thừa mấy cái bánh?

31 : 4 = 7 (dư 3) · Đáp số: 7 hộp, thừa 3 cái bánh